

ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH THƯ VIỆN-THÔNG TIN HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS Bùi Hà Phương

Trường Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Trình bày một số nét chung về mục tiêu chương trình đào tạo hiện nay của Khoa Thư viện-Thông tin học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Tp. Hồ Chí Minh. Phân tích hiện trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên sau thời gian học tập tại Trường. Đề xuất một số biện pháp góp phần hỗ trợ sinh viên hình thành định hướng nghề nghiệp đối với ngành Thư viện-Thông tin học.

Từ khóa: Định hướng nghề nghiệp; Thư viện-Thông tin học; mục tiêu đào tạo; sinh viên ngành Thư viện-Thông tin học.

Career orientation of students major in Library and Information Science at the Ho Chi Minh City University of Social Sciences and Humanities

Summary: *Introducing main objectives of the training programs of the Faculty of Library and Information Science at the Ho Chi Minh City University of Social Sciences and Humanities. Analyzing the current career orientation of the students majoring in Library and Information Science. Suggesting solutions to support students to build careers in the field of Library and Information Science.*

Keywords: Career orientation; Library - Information Science; training objectives; students major in Library and Information Science.

Đặt vấn đề

Hiện nay, trên thế giới cũng như ở Việt Nam ngành học Thư viện-Thông tin học (TV-TTH) đã và đang được đào tạo ở nhiều bậc học khác nhau. Nhiều trường đại học, trong đó có Trường Đại học KHXH&NV Tp. Hồ Chí Minh đang đào tạo bậc thạc sỹ và cử nhân TV-TTH. Ngoài việc đáp ứng nhu cầu thực tiễn trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo của chương trình về kiến thức, kỹ năng, thái độ cho người học, thì việc giáo dục niềm đam mê, tình yêu nghề nghiệp đối với người học còn là một trong những vấn đề cần được quan tâm. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với việc định hướng nghề nghiệp của người học nói riêng và mục tiêu của ngành học nói chung. Dựa trên kết quả phân tích số liệu từ cuộc khảo sát sinh viên (SV) năm cuối cử nhân TV-TTH, bài viết trình bày bức tranh tổng thể về thực trạng định hướng nghề nghiệp của SV chuyên ngành này sau quá trình học tập và rèn luyện tại Trường.

1. Đôi nét về mục tiêu chương trình đào tạo chuyên ngành TV-TTH

Trong hầu hết chương trình đào tạo chuyên ngành TV-TTH đều bao gồm mục tiêu đào tạo cũng như các cơ hội nghề nghiệp nhằm giúp SV có cái nhìn bao quát và tổng quan về ngành học mà mình đang theo đuổi.

Mục tiêu chung của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành TV-TTH là: có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực và quốc tế. SV tốt nghiệp có đủ trình độ chuyên môn và năng lực làm công tác nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực TT-TV hoặc đảm nhận công việc trong các thư viện, cơ quan thông tin (TV, CQTT), tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục-đào tạo và các tổ chức khác có liên quan đến công tác thông tin-tư liệu. Người có bằng cử nhân khoa học TT-TV có thể học tiếp chương trình đào tạo sau đại học theo chuyên ngành đã đào tạo hoặc các ngành liên quan.

Nghiên cứu - Trao đổi

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành TV-TTH bao gồm:

- *Về kiến thức:* gồm có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức nền tảng về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TT-TV; kiến thức chuyên sâu về việc thu thập, xử lý, tổ chức, khai thác nguồn tài nguyên thông tin và cung cấp thông tin cho mọi đối tượng có nhu cầu; kiến thức cơ bản về tổ chức, quản lý hoạt động TT-TV trong các TV, CQTT hoặc các tổ chức khác; sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ.

- *Về năng lực nhận thức, tư duy, kỹ năng thực hành:* có năng lực nhận thức tốt để giải quyết các vấn đề chuyên môn; có kỹ năng nghề nghiệp cơ bản: thu thập, xử lý, khai thác, cung cấp và tư vấn thông tin; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập; kỹ năng tự nghiên cứu và tự học; có khả năng tư duy sáng tạo.

- *Về phẩm chất:* có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp tốt, có bản lĩnh nghề nghiệp, có ý thức phục vụ cộng đồng, có tinh thần cầu tiến và có khả năng thích ứng cao với môi trường làm việc đa dạng và luôn thay đổi.

Đặc biệt, điều mà nhà trường, khoa, các cơ sở đào tạo nói chung và SV quan tâm chính là cơ hội nghề nghiệp. Cử nhân ngành TV-TTH có thể đảm nhiệm các công việc và vị trí công tác như: nghiên cứu, giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu...; chuyên gia TT-TV và quản trị thông tin trong các loại hình TV, CQTT, tổ chức tư vấn, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, đào tạo, các tổ chức kinh tế, cơ quan truyền thông...

Bài viết tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát 49 sinh viên năm cuối (34/49: nguyện vọng 1- chiếm 69,4%; 14/49: nguyện vọng 2- chiếm 28,6%; 1/49: tuyển thẳng- chiếm 2,0%) của Trường (với việc khảo sát bằng bảng hỏi) nhằm tìm hiểu nhận thức của SV từ khi vào Trường cho đến khi tốt nghiệp ngành học TV-TTH, nắm được định hướng nghề nghiệp của SV, từ đó đề xuất một số giải pháp cho SV về định hướng nghề nghiệp sau khi ra trường.

2. Kết quả khảo sát và đánh giá

Nội dung phiếu khảo sát gồm có một số nội dung cơ bản sau: *những yếu tố tác động đến việc chọn ngành học của SV; kết quả học tập của SV trong quá trình học tập; dự định nâng cao trình độ; dự định làm việc trong TV, CQTT,...* Dưới đây là kết quả khảo sát và một số đánh giá.

2.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học của SV chuyên ngành TV-TTH, như: sở thích cá nhân, sự tác động của môi trường bên ngoài, gia đình, bạn bè, thầy cô và các yếu tố khác. Những kênh thông tin khác nhau cũng phần nào ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học của SV, bao gồm: các kênh tư vấn tuyển sinh của trường, cẩm nang tuyển sinh, gia đình, bạn bè, tự tìm hiểu qua Internet. Một điểm nổi bật của các kênh thông tin mà SV biết đến chính là qua cẩm nang tuyển sinh (49,0%) và tự tìm hiểu qua Internet (40,8%), trong số 49 SV trả lời, không có SV nào biết đến ngành học qua hoạt động tư vấn tuyển sinh của trường (0%).

Bảng 1: Các kênh thông tin ảnh hưởng đến việc chọn ngành của SV

SV biết đến ngành học thông qua	Số lượng	Tỷ lệ
Tư vấn tuyển sinh của trường	0	0
Cẩm nang tuyển sinh	24	49,0
Gia đình, bạn bè	5	10,2
Tự tìm hiểu qua Internet	20	40,8
Khác	0	0,0
Tổng	49	100

Nghiên cứu - Trao đổi

Việc chọn lựa ngành học bất kỳ thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố khác nhau. SV chuyên ngành TV-TTH được khảo sát cho rằng, họ chọn ngành học này là ngẫu nhiên (40,8%), chiếm tỷ lệ cao nhất so với các lý do khác, tiếp đến là SV bị thu hút bởi tên ngành học hấp dẫn. Lý do yêu thích ngành học và

điểm chuẩn phù hợp với khả năng của bản thân có tỷ lệ bằng nhau (12,2%). Ngoài ra, một số ít SV giải thích việc chọn ngành học là do gia đình, thầy/cô tư vấn (4,1%) và đôi khi SV cho rằng, họ không còn sự lựa chọn nào khác cũng như chọn ngành học vì phù hợp với tính cách của bản thân (2%).

Bảng 2: Lý do sinh viên chọn ngành học TV- TTH

Lý do	Số lượng	Tỷ lệ
Chọn ngẫu nhiên	20	40,8
Yêu thích	6	12,2
Gia đình tư vấn	2	4,1
Thầy cô tư vấn	2	4,1
Tên ngành học hấp dẫn	8	16,3
Dễ xin việc làm	0	0,0
Điểm chuẩn phù hợp khả năng	6	12,2
Không còn sự lựa chọn khác	4	8,2
Khác	1	2,0
Tổng	49	100

2.2. Kết quả học tập của SV trong quá trình học tập

Kết quả học tập của SV cũng được xem là một trong những tiêu chí để xác định mức độ quan tâm đến ngành nghề và định hướng nghề nghiệp của SV. Tuy nhiên, tiêu chí này chỉ phần nào thể hiện được điều đó, bởi lẽ trên thực tế, SV đạt kết quả học tập cao hay thấp còn phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố khác như: khả năng tiếp thu của SV, động cơ học tập,... Bên cạnh đó, việc SV đã từng có ý định chuyển ngành học cũng góp phần chứng tỏ thái độ của SV đối với ngành học đang theo đuổi. Do vậy, có thể phân thành hai nhóm SV trong khảo sát này để phần nào thấy được sự khác biệt giữa nhóm SV đã từng có ý định chuyển ngành và nhóm SV không có ý định chuyển ngành.

Kết quả cho thấy, có đến gần 1/3 SV trong tổng số 49 SV trả lời khảo sát đã từng có ý định chuyển sang một ngành học khác. “Cảm thấy không phù hợp” là lý do mà SV giải thích về ý định chuyển ngành (chiếm 6,12 %). Ngoài ra, 2 SV còn cho rằng không thấy hứng thú với ngành học và 1 SV không thích ngành học này. Số SV còn lại trong nhóm không trình bày lý do về ý định chuyển ngành của mình. Mặc dù vậy, SV cũng nêu một số ngành học mà họ yêu thích như: Tâm lý học, Luật, Du lịch, Báo chí, Ngữ văn Anh, Sư phạm.

Tổng hợp phân tích kết quả học tập năm cuối của nhóm SV trả lời có ý định chuyển ngành học cho thấy, SV đạt kết quả học tập từ năm thứ Nhất cho đến năm thứ Tư là tương đối ổn định và cao. Điều này cho thấy, dù

Nghiên cứu - Trao đổi

cho SV có ý định chuyển ngành học trong quá trình học tập thì kết quả học tập của SV vẫn đảm bảo từ trung bình trở lên (chỉ 3 SV có xếp loại trung bình), trong khi có gần 50% SV trong nhóm (9/19) có học lực loại khá. Qua đó, có thể nhận thấy mối quan hệ giữa nhận thức của SV về ý định chuyển ngành học và sự nỗ lực của SV trong học tập.

Bảng 3: *Kết quả học tập của nhóm SV có ý định chuyển ngành*

Xếp loại	SV có ý định chuyển ngành	
	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0
Giỏi	1	5,2
Khá	9	47,4
Trung bình khá	6	31,6
Trung bình	3	15,8
Yếu	0	0
Tổng số	19	100

Khó để đưa ra sự so sánh kết quả học tập giữa nhóm SV có ý định chuyển ngành học (sau đây gọi là nhóm 1) và nhóm 30 SV không có ý định chuyển ngành học (nhóm 2) vì số lượng hai nhóm không bằng nhau. Tuy nhiên, một thực tế cho thấy, tỷ lệ SV đạt kết quả khá của nhóm 2 (23,3%) lại thấp hơn so với nhóm 1 (47,4%).

Bảng 4: *Kết quả học tập của nhóm SV không có ý định chuyển ngành*

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0
Giỏi	1	3,33
Khá	7	23,3
TB - Khá	8	26,7
Trung bình	11	36,7
Yếu	0	0
Tổng số	30	100

2.3. Dự định nâng cao trình độ

Nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp cũng là một trong những nhu cầu và đòi hỏi cần thiết của bản thân mỗi SV cũng như từ yêu cầu phía nhà tuyển dụng. Việc khảo sát tiêu chí

này để góp phần hiểu thêm về định hướng nghề nghiệp của SV trước khi tốt nghiệp. Các chương trình học tập nâng cao trình độ bao gồm: cao học chuyên ngành TV-TTH, cao học ngành khác, đại học ngành khác, các khóa học ngắn hạn và lớp kỹ năng. Tất cả SV được khảo

Nghiên cứu - Trao đổi

sát đều có dự định học các chương trình nâng cao trình độ. Về chuyên môn nghiệp vụ, có 8 SV trong cả hai nhóm có ý định học thạc sỹ chuyên ngành TV-TTH (chiếm 16,3%) và 3 SV (6,12%) lựa chọn cao học ngành khác. Ngoài ra, có khoảng 21,1% SV thuộc nhóm có ý định chuyển ngành dự định sẽ theo học chương trình đại học của một ngành học khác mà họ yêu thích, kể cả nhóm không có ý định chuyển ngành cũng có nhu cầu học ngành học khác (6,7%). Một điểm nổi bật của cả hai

nhóm SV này chính là đều có dự định tham gia các lớp kỹ năng như ngoại ngữ, tin học, kỹ năng phát triển bản thân hoặc theo học đại học ngành khác như: Luật và Ngữ văn Anh. Ngoài ra, SV còn có nhu cầu học các khóa học ngắn hạn như: nghiệp vụ thư ký, quản trị văn phòng, ngân hàng. Thực tế này chứng tỏ rằng trong quá trình học tập, SV đã dần xác định được định hướng nghề nghiệp của mình một cách rõ ràng hơn.

Bảng 5: Dự định nâng cao trình độ của SV

Trình độ	Nhóm có ý định chuyển ngành		Nhóm không chuyển ngành	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Cao học TV-TTH	3	15,8	5	16,7
Cao học ngành khác	1	5,3	2	6,7
Đại học ngành khác	4	21,1	2	6,7
Khóa học ngắn hạn	3	15,8	1	3,3
Lớp kỹ năng	7	36,8	12	40,0
Khác	1	5,3	8	26,7
Tổng số	19	100	30	100

2.4. Dự định làm việc trong thư viện, cơ quan thông tin

Có nhiều lý do ảnh hưởng đến việc SV quyết định lựa chọn làm việc tại một cơ quan, tổ chức nhất định. 22 SV cho rằng sẽ không có ý định làm việc trong các TV,

CQTT với một số lý do như “không thích” (chiếm 77,3 %). Đây là lý do chiếm tỷ lệ trả lời cao nhất, so với việc cho rằng thu nhập thấp (13,6%) và 4,5 % SV cho rằng công việc trong các TV, CQTT không phù hợp với khả năng của họ.

Bảng 6: Dự định làm việc trong TV, CQTT

Lý do	Số lượng	Tỷ lệ
Không thích	17	77,3
Thu nhập thấp	3	13,6
Không phù hợp khả năng	1	4,5
Khác	1	4,5
Tổng	22	100%

Nghiên cứu - Trao đổi

Trong khi đó, 27 SV có dự định làm việc tại các TV, CQTT theo đúng ngành nghề mình được đào tạo với nhiều lý do khác nhau. Lý do mà SV ưu tiên chọn chính là có công việc ổn định (chiếm 37%), có 25,9% SV lại cho rằng sẽ chọn làm việc tại các TV, CQTT trong thời gian tạm thời, sau đó sẽ chuyển sang môi trường làm việc khác khi có

cơ hội. Một điểm tương đồng trong việc lựa chọn này chính là có xấp xỉ 15% SV đều chọn công việc tại các TV, CQTT vì chính niềm yêu thích của mình, yêu thích ngành học và yêu thích môi trường làm việc. Điều này chứng tỏ họ đã có định hướng tương ứng giữa sự chọn lựa đầu vào và đầu ra trong suốt quá trình học tập.

Bảng 7: Lý do SV lựa chọn làm việc tại các TV, CQTT

Lý do	Số lượng	Tỷ lệ
Yêu thích ngành này	4	14,8
Thu nhập cao	1	3,7
Có công việc ổn định	10	37,0
Yêu thích môi trường làm việc	4	14,8
Làm tạm thời và chuyển sang việc khác khi có cơ hội	7	25,9
Khác	1	3,7
Tổng	27	100

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, trong trường hợp SV được yêu cầu lựa chọn nơi làm việc là TV, CQTT thì hầu hết SV đều có xu hướng mong muốn làm việc tại thư viện đại học (51%), tiếp đến là cơ quan thông tin của các tổ chức, công ty nước ngoài (30.6%). Một số SV khác lựa chọn nơi làm việc mong muốn là TV công cộng (4,1%) và thư viện trường

học (2%). Điều này có thể dễ dàng lý giải bởi một số lý do như thư viện đại học là loại hình thư viện phát triển, gắn gũi với kiến thức của SV trong quá trình học tập. Không những vậy, thời lượng SV khảo sát, tham gia thực tập, thực tế và tiếp cận với TV đại học nhiều hơn rất nhiều so với các loại hình thư viện thuộc các hệ thống khác.

Bảng 8: Sự lựa chọn nơi làm việc của SV

Loại hình TV	Số lượng	Tỷ lệ
TV đại học	25	51,0
TV trường học	1	2,0
TV tư nhân	1	2,0
TV công cộng	2	4,1
TV đặc biệt	0	0,0
CQTT của các tổ chức, công ty nước ngoài	15	30,6
Khác	5	10,2
Tổng	49	100

Nghiên cứu - Trao đổi

3. Một số giải pháp cho định hướng nghề nghiệp của sinh viên

3.1. Quảng bá ngành nghề đối với sinh viên trước khi lựa chọn ngành học

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu như không có SV nào lựa chọn ngành học từ kênh tư vấn tuyển sinh của Nhà trường. Như vậy, để tạo nên tác động ban đầu đối với SV, Nhà trường, Khoa cần chú trọng nhiều hơn đến hoạt động quảng bá hình ảnh ngành TV-TTH như: tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh tại chính cơ sở đào tạo dưới hình thức ngày hội thông tin dành cho tất cả đối tượng học sinh trên địa bàn thành phố; tư vấn tuyển sinh lồng ghép cung cấp thông tin bằng tờ rơi giới thiệu Khoa, ngành học nhằm tạo ấn tượng cho học sinh các tỉnh thành phía Nam. Bên cạnh đó, việc xây dựng trang thông tin điện tử cập nhật và phản ánh sinh động ngành nghề để học sinh có thể truy cập và tìm hiểu trực tuyến. Trang thông tin điện tử dạng web có thể bao gồm các clip giới thiệu ngành học sinh động, các cơ hội học tập, hình ảnh hoạt động vui chơi, giải trí, đội ngũ giảng dạy, cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập tại Trường và Khoa. Đặc biệt, việc cung cấp thông tin về tương lai nghề nghiệp của ngành học bằng các số liệu thống kê về cựu SV sau khi tốt nghiệp và tình hình việc làm; hình ảnh hoạt động của các TV, CQTT. Thực hiện tốt các biện pháp này sẽ thực sự gây được hiệu ứng ban đầu đối với học sinh đã và đang có ý định lựa chọn ngành nghề.

3.2. Tổ chức ngày định hướng nghề nghiệp dành cho tân sinh viên

Việc Khoa tổ chức các ngày hội định hướng nghề nghiệp dành cho SV năm thứ Nhất cũng cần được chú trọng thực hiện nhằm tạo cơ hội cho tân SV làm quen với Khoa, Nhà trường, tạo dựng mối quan hệ với các SV đang học tại Trường. Cũng nhân các buổi định hướng này, Khoa và các tổ chức đoàn, hội, câu lạc bộ có

thể tạo các hoạt động đội nhóm, hoạt động minh họa, tạo dựng tình huống nghề nghiệp tương lai. Đặc biệt, việc giới thiệu chương trình đào tạo, các dịch vụ, điều kiện giúp tân SV có thể đạt được những kiến thức, kỹ năng trong quá trình học tập tại Trường.

3.3. Lồng ghép kiến thức thực tiễn trong chương trình đào tạo

Việc xây dựng định hướng nghề nghiệp của SV chuyên ngành TV-TTH đòi hỏi từ nhiều phía bao gồm: Trường, Khoa đào tạo, đặc biệt là bản thân SV. Qua một số ý kiến được khảo sát từ SV, có thể thấy, việc giảm tải lý thuyết, tăng thời gian thực hành, thời gian tự học của SV tại TV là mong muốn của SV trong quá trình học tập tại Trường. Hiện nay, hầu hết các môn học đều lồng ghép kiến thức lý thuyết và thực hành dành cho SV. Ngoài ra, SV còn có thời gian tự học, đến tham quan thực tế tại một số TV, CQTT theo yêu cầu của từng môn học. Tuy nhiên, nhằm giúp SV có thêm cơ hội tự học tại các TV, CQTT, các thầy/cô có thể yêu cầu SV đến TV, CQTT để tìm thông tin làm bài tập nhiều hơn. Đây cũng được xem là cơ hội tốt giúp SV tiếp xúc với thực tiễn nghề nghiệp với góc độ vừa là người dùng tin của TV, vừa là người cán bộ thư viện tương lai.

Ngoài việc chú trọng đến chương trình đào tạo chuyên môn, Khoa và Nhà trường cần chủ động và thường xuyên tổ chức các lớp rèn luyện kỹ năng cho SV, bao gồm: kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn xin việc và một số kỹ năng khác giúp SV có sự chuẩn bị và tự tin trước khi bước vào công việc thực tế. Đây có thể là các lớp kỹ năng trong chương trình tự chọn, việc quyết định lựa chọn tham gia chương trình rèn luyện kỹ năng phụ thuộc vào nhu cầu của SV.

3.4. Hình thành định hướng nghề nghiệp qua quá trình tích lũy kinh nghiệm thực tế

SV cho rằng việc trở thành cộng tác viên,

Nghiên cứu - Trao đổi

làm việc bán thời gian tại các TV, CQTT là điều kiện cần thiết để bản thân mỗi SV có cơ hội tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, đối sánh và vận dụng vào thực tiễn những kiến thức được đào tạo tại trường. Từ đó, SV có ý thức, thái độ gắn bó với ngành học hơn cũng như kích thích niềm đam mê nghề nghiệp. Thực tế cho thấy, sau khi tốt nghiệp, một số SV trong nhóm được khảo sát đã tham gia làm việc bán thời gian và cộng tác viên tại một số TV, CQTT của tòa soạn báo, trường đại học nhằm tích lũy kinh nghiệm thực tế và có thêm thu nhập trước khi có công việc chính thức. Như vậy, đây có thể xem là một giải pháp khả thi đối với những SV có định hướng nghề nghiệp tương đối rõ ràng, bởi lẽ trong quá trình cộng tác, làm việc bán thời gian tại các TV, CQTT, SV sẽ có cách nhìn toàn diện và mật thiết về thực tiễn ngành học mà mình đã hoàn thành với định hướng nghề nghiệp của bản thân. Từ đó, SV lựa chọn và có quyết định theo đuổi ngành nghề theo đúng chuyên môn được đào tạo. Để thực hiện được giải pháp này, Khoa và các TV, CQTT, đặc biệt là bản thân SV cần có sự phối hợp, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Khoa và các TV, CQTT cần tích cực duy trì và phát triển mối quan hệ trong việc hỗ trợ hoạt động học thuật của Khoa và hoạt động chuyên môn, thực tiễn của TV, CQTT. Nói cách khác, ngoài việc các TV, CQTT là nơi tạo điều kiện cho SV thực tập, thực tế, tham quan trong quá trình đào tạo, thì các TV, CQTT cần xem xét, cân nhắc điều kiện thực tế và tiếp tục nhận SV với tư cách là cộng tác viên chính thức hoặc bán thời gian. Trước khi SV tốt nghiệp, Khoa sẽ cung cấp thông tin chính thức về việc tuyển dụng cộng tác viên làm việc bán thời gian (có thù lao hoặc không có thù lao) để SV cân nhắc và quyết định.

Thứ hai, xét ở phạm vi lợi ích của các TV, CQTT, việc SV tham gia cộng tác sẽ góp phần giải quyết một phần công việc tồn đọng của cơ quan cũng như những công việc thiếu nhân sự nhưng chưa có điều kiện tuyển dụng chính thức. Mặt khác, sau quá trình làm việc của SV, các TV, CQTT sẽ có cách nhìn rõ ràng nhất về năng lực của SV, từ đó, cân nhắc và tuyển dụng chính thức khi cơ quan có nhu cầu. Điều này giúp cho TV, CQTT tuyển dụng nhân sự không phải mất quá nhiều thời gian để SV thử việc và khẳng định bản thân.

Thứ ba, SV đóng vai trò quyết định việc tiếp tục theo đuổi ngành nghề với tư cách là cộng tác viên của TV, CQTT. Bản thân mỗi SV phải nhận thức được ý nghĩa và lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của TV, CQTT. Trải nghiệm thực tiễn nghề thư viện - thông tin trên cơ sở vận dụng kiến thức được đào tạo là điều quan trọng để giúp SV có thêm sự tự tin khi bước vào ngành nghề chính thức. Thực tế, thời gian thực tập tại các TV, CQTT được xem là phù hợp với việc phân bổ chương trình đào tạo và SV cũng có được một số nhận định và nhìn nhận về ngành nghề của mình. Tuy nhiên, việc đánh giá SV sau khi thực tập tại TV, CQTT đôi khi còn chưa thực sự nghiêm khắc. Điều này dẫn đến thực tế đôi khi SV có cách nhìn không thực về giá trị của bản thân. Do vậy, đây thực sự là cơ hội để SV chứng tỏ bản thân với nhà tuyển dụng tương lai cũng như là cơ hội để SV quyết định về định hướng nghề nghiệp mà mình yêu thích.

3.5. Thái độ tích cực góp phần hình thành định hướng nghề nghiệp

Thái độ học tập của SV cũng như thái độ, quan điểm về ngành học và định hướng nghề nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào bản thân SV. Sự nỗ lực của SV trong học tập để đạt kết quả

Nghiên cứu - Trao đổi

tốt cũng như ý thức nghề nghiệp sẽ tác động trực tiếp đến quyết định chọn nơi làm việc của SV sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, SV đôi khi còn chịu nhiều yếu tố khác tác động đến thái độ của mình như: môi trường, gia đình, bạn bè và thầy cô. Như vậy, giáo viên đóng vai trò rất quan trọng việc tác động đến thái độ của SV đối với ngành học. Thái độ của giáo viên đối với nghề nghiệp, hoạt động giảng dạy, phương pháp giảng dạy,... cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của SV. Trong quá trình giảng dạy trên lớp và ngoài xã hội, giáo viên cần chủ động thể hiện sự nhiệt huyết, gắn bó và niềm đam mê nghề nghiệp đối với SV chuyên ngành. Thái độ của giáo viên đối với ngành nghề sẽ góp phần hình thành thái độ của SV đối với ngành học nói riêng, nghề nghiệp nói chung. Đặc biệt, những giáo viên vừa đảm nhiệm công tác giảng dạy, vừa nghiên cứu khoa học và vừa tham gia hoạt động thực tiễn tại các TV, CQTT hay các hoạt động cộng đồng khác, sẽ là hình ảnh tốt góp phần giúp SV định hình được viễn cảnh nghề nghiệp của bản thân sau khi tốt nghiệp.

Bên cạnh đó, vai trò của Khoa, đặc biệt là các tổ chức đoàn, hội, câu lạc bộ học thuật của Khoa cũng có thể phối hợp tổ chức các hoạt động liên quan đến định hướng nghề nghiệp. Chẳng hạn, việc tổ chức các buổi gặp mặt, giao lưu giữa cựu giảng viên, sinh viên,

học viên cao học đã và đang làm việc tại các cơ quan đúng ngành nghề được xem là một trong những biện pháp giúp SV dần hình thành thái độ tích cực đối với ngành nghề mà mình đang theo học. Thông qua các hoạt động này, SV có thể tiếp thu, học hỏi những kinh nghiệm của những người đi trước và tự lựa chọn, cân nhắc cho mình hướng đi phù hợp. Từ đó, SV cũng có thể tự xây dựng mối quan hệ lâu dài và tìm kiếm cơ hội làm việc, cộng tác với cựu giảng viên, sinh viên và học viên cao học trong suốt quá trình học tập và sau khi tốt nghiệp.

Kết luận

Như vậy, việc lựa chọn ngành nghề, công việc trước khi lựa chọn ngành học về sau khi tốt nghiệp của SV chuyên ngành TV-TTH phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau bao gồm: yếu tố chủ quan (niềm đam mê, yêu thích, năng lực bản thân, v.v...) và yếu tố khách quan từ gia đình, bạn bè, thầy/cô, môi trường giáo dục, môi trường xã hội. Dù bất cứ lý do hay lựa chọn nào thì định hướng nghề nghiệp của mỗi SV cũng phản ánh một phần mối liên hệ giữa quá trình đào tạo của Khoa, Nhà trường đối với SV. Do vậy, việc đề ra các giải pháp, biện pháp phù hợp nhằm hướng cho SV cách nhìn đúng đắn về ngành TV-TTH là điều thực sự quan trọng không chỉ đối với cơ sở đào tạo mà còn đối với các TV, CQTT hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Chương trình đào tạo chuyên ngành Thư viện - Thông tin/ Khoa Thư viện - Thông tin học. <http://tvth.hcmussh.edu.vn/3cms/?cmd=130&art=1393153008423&cat=1359337400440>. Truy cập ngày 15/01/2014.

2. Monaliza C. Mugot/ Students Awareness and Motivation in the Choice of Library and Information Science (LIS as a Career): Basis for Promotional Strategies. – http://lsu.edu.ph/institutional_research_office/publications/vol.15no.7/6.html. Truy cập ngày 13/12/2014.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-3-2015; Ngày phản biện đánh giá: 20-4-2015; Ngày chấp nhận đăng: 20-6-2015).